Machine Translated by Google

**performance** & style

# SPEEDO-REVCOUNTER 2.0

Machine Translated by Google

# HƯỚNG DẪN

Cảm ơn bạn đã mua SIP Scootershop Vespa 50 SS/90/PV/ET3/GTR/TS/Super/150 Sprint V/Super/Rally mới của chúng tôi.

Trước khi sử dụng, vui lòng đọc kỹ hướng dẫn và giữ lại để tham khảo sau này.

## ĐỂ Ý

1. Đồng hồ đo SIP LCD chạy trên nguồn AC/DC 12V.
2. Để cài đặt, vui lòng làm theo các bước được mô tả trong hướng dẫn này.
3. Để tránh đoản mạch, vui lòng không kéo dây khi lắp đặt. Không làm gãy hoặc sửa đổi đầu cáp.
4. Hãy làm theo hướng dẫn sử dụng và không tháo rời hoặc thay đổi bất kỳ bộ phận nào khác.

## CÁC DẤU HIỆU VÀ BIỂU TƯỢNG:

| | |
|---|---|
| CHÚ Ý | Văn bản thông tin đằng sau nhãn hiệu cung cấp cho bạn thông tin chi tiết. |
| | Hãy làm theo hướng dẫn để tránh thiệt hại do cài đặt sai. |
| CẢNH BÁO! | Hãy làm theo hướng dẫn để tránh thiệt hại cho bản thân và người khác. |
| THẬN TRỌNG! | Hãy làm theo hướng dẫn để tránh làm hỏng xe. |

## 1.1 PHỤ KIỆN

**1** Mét (1x)

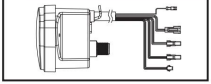

**2** Hộp phát điện (1x)

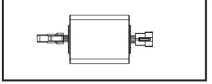

**3** Dây chính (0,3m) (1x)

**4** Dây nối dài (2m) (1x)



**5** Nút mở rộng (1x)

**6** Chỉ số dự trữ dây nối dài (2m) (1x)



**7** Cảm biến nhiệt độ dây mở rộng (1x)



**8** Đầu xi-lanh cảm biến nhiệt độ (1x)

**9** M14 Bộ chuyển đổi cảm biến nhiệt độ đầu xi lanh (5x)

**10** Đai ốc cho cảm biến nhiệt độ (3x

**11** Chốt bắn đinh

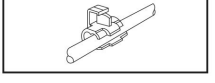

**LƯU Ý!** lòng liên hệ với đại lý của bạn nếu các mặt hàng trong gói hàng của bạn không tương ứng với những mặt hàng được liệt kê ở trên.

Machine Translated by Google

## 2.1 HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT DÂY

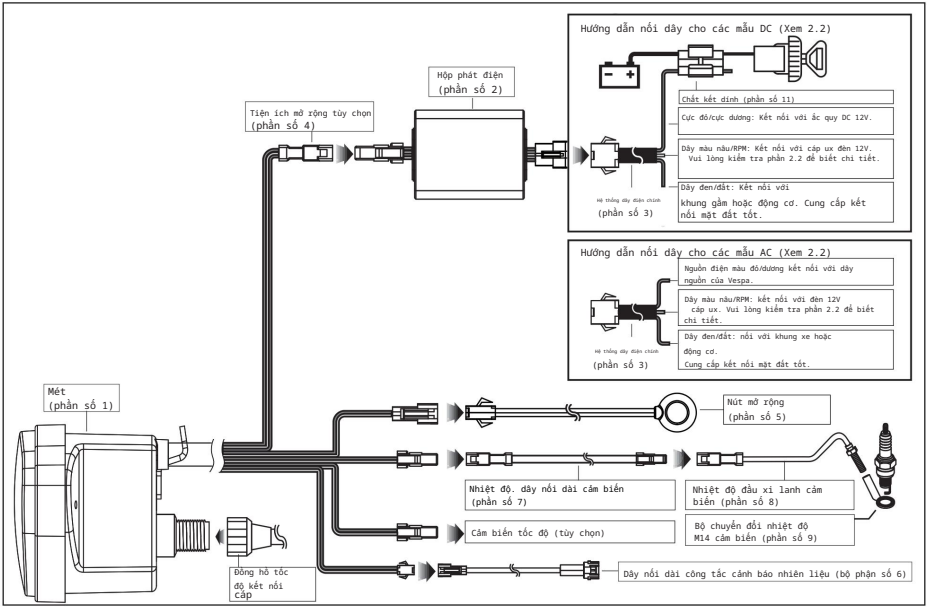

Machine Translated by Google

## 2.2 HƯỚNG DẪN ĐẤU DÂY CỦA MẪU AC/DC

### SCHRITT 1

- Mở nắp công tắc đèn pha nguyên bản.

### SCHRITT 2

- Khởi động động cơ, sau đó sử dụng đồng hồ vạn năng để xác định dây nguồn.
- Đặt cực dương của đồng hồ vạn năng (màu đỏ) tại điểm dưới `sừng~.

### SCHRITT 3

- Đặt cực âm của đồng hồ vạn năng (màu đen) trên đầu đèn cực âm.

### SCHRITT 4

- Đặt đồng hồ vạn năng thành AC và điều chỉnh điện áp tối đa đến 20 V.
  Điện áp xoay chiều đo được phải là trong vòng 10,5 ~ 12,5 V.

### SCHRITT 5

- Lấy dây màu đỏ và nâu ra qua thanh tay cầm.

### SCHRITT 6

- Nối dây màu đỏ và nâu với dây màu trắng bằng đầu nối dây đi kèm.

1. Tùy chọn kết nối thay thế cho các model DC:
Màu đen (DC): Dây nối đất nối với khung máy hoặc động cơ; Màu đỏ (DC): cực dương, nối với ắc quy;
Màu nâu (DC): kết nối với nguồn điện cố định không chuyển đổi. Kiểm tra khả năng quá điện áp!
2. Tùy chọn kết nối thay thế cho các model AC:
Màu đen (AC): Dây nối đất nối với khung xe hoặc động cơ; Màu đỏ (AC): kết nối với nguồn điện vĩnh viễn không chuyển đổi. Màu nâu (AC): sử dụng điểm đầu nối giống như cột điện.

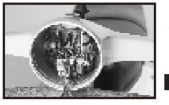

### SCHRITT 7

- Nối dây màu đen vào đèn pha đất. Ngoài ra, đối với khung xe hoặc động cơ.

**GHI CHÚ!** Chỉ kết nối cáp nối đất với màu đen cáp nối đất nhẹ, không đến tay lái đúc hoặc các bộ phận không có nối đất trực tiếp.

### SCHRITT 8

- Kết nối dây nguồn với dây nguồn của đồng hồ.

### SCHRITT 9

- Kết nối cáp với đồng hồ và sau đó x mét.

Machine Translated by Google

## 3.1 TỔNG QUAN

Máy đo tốc độ
Phạm vi hiển thị: 0-14k vòng/phút

Đồng hồ tốc độ
- Phạm vi hiển thị: 0-140 km/h (mph)

Tốc độ trung bình A,B Phạm
- vi hiển thị: 0-199 km/h (0-140 mph)
- Đơn vị hiển thị: 1 km/h (mph)

Thời gian cưỡi A, B
- Phạm vi hiển thị: 00:00-99:59 Đơn
- vi hiển thị: 1 Phút.

Nhiệt kế
- Phạm vi hiển thị: 0-250°C (32-482°F)
- Đơn vị hiển thị: 1°C (°F)

Đồng hồ
- 24 giờ

Đồng hồ đo đường
- Phạm vi hiển thị: 00000.0-99999.9 km (dặm), tự động đặt lại sau 99999.9km (dặm).
- Đơn vị hiển thị: 0,1km (dặm)

Đồng hồ đo hành trình
- A, B Phạm vi hiển thị: 00000.0-99999.9 km (dặm), tự động reset sau 99999.9km (dặm).
- Đơn vị hiển thị: 0,1km (dặm)

Cảnh báo mức nhiên liệu

- Nếu bạn sử dụng với nhiên liệu có đồng hồ đo dự trữ, màn hình sẽ hiển thị "FUEL" ở mức nhiên liệu thấp.

Đồng hồ tốc độ kỹ thuật số
- Phạm vi hiển thị: 0-199 km/h (0-140 mph)
- Đơn vị hiển thị: 1 km/h (1 mph)

## 3.2 CHỨC NĂNG

| | |
|---|---|
| Đồng hồ tốc độ kỹ thuật số | Phạm vi hiển thị: 0-199 km/h (0-140 mph)<br>Đơn vị hiển thị: 1km/h (1 mph) |
| Kỷ lục tốc độ MAX | Phạm vi hiển thị: 0-199 km/h (0-140 mph) |
| Đồng hồ tốc độ | Phạm vi hiển thị: 0-140 km/h (0-140 mph) |
| Đồng hồ đo đường | Phạm vi hiển thị: 00000.0-99999.9 km (dặm) tự động đặt lại sau 99999.9 km (dặm)<br>Đơn vị hiển thị: 0,1km/h (dặm) |
| Đồng hồ đo hành trình A, B | Phạm vi hiển thị: 0000.0-9999.9 km (dặm) tự động đặt lại sau 9999.9 km (dặm)<br>Đơn vị hiển thị: 0,1km/h (dặm) |
| Chu vi lốp | Phạm vi hiển thị: 300-2.500 mm Cài đặt: 1 mm ; Điểm nhạy cảm: 1-20 Phạm vi hiển |
| Cài đặt tỷ số truyền | thị: 0,5-1,00 Đơn vị cài đặt: 0,01 Phạm vi hiển |
| Máy đo tốc độ kỹ thuật số | thị: 0-14.000 vòng/phút Đơn vị hiển<br>thị: 100 vòng/phút |
| Bản ghi RPM TỐI ĐA | Phạm vi hiển thị: 0-14.000 vòng/ |
| Máy đo tốc độ | phút Phạm vi hiển thị: 0-14.000 |
| Xung đầu vào RPM | vòng/phút Phạm vi cài đặt: 1, 2, |
| Nhiệt kế | 3, 4, 5, 6 Phạm vi hiển thị: 0-250°C (32-482°F)<br>Đơn vị hiển thị: 1°C (°F) |
| Kỷ lục nhiệt độ cao nhất Tốc | Phạm vi hiển thị: 0-250°C (32-482°F) |
| Độ trung bình A, B | Phạm vi hiển thị: 0-199 km/h(0-140 mph)<br>Đơn vị hiển thị: 1 km/h (mph) |
| Thời gian đi xe A, B | Phạm vi hiển thị: 00:00-99:59 Đơn<br>vị hiển thị: 1 phút. |
| Độ sáng ngược sáng | Phạm vi hiển thị: 1-5(Tối nhất)-5-5(Sáng nhất)<br>Đơn vị hiển thị: Mỗi cấp độ đại diện cho 20% |
| Điện áp hiệu dụng | AC/DC 12V |
| Phạm vi nhiệt độ Eektive | -10±60°C(14-140°F) |
| Kích thước/trọng lượng máy | 81 X 61,5 X 61 mm / khoảng 168 g |

**GHI CHÚ!** Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước!

**GHI CHÚ!** Nếu bạn vào màn hình cài đặt trong 30 giây và không nhấn nút, nó sẽ tự động quay lại màn hình chính.

Machine Translated by Google

## 4.1 CHUYỂN ĐỔI GIỮA CHỨC NĂNG

Hướng dẫn chuyển đổi chức năng (ODO/Chuyến đi/Thời gian đi xe/Tốc độ trung bình/RPM)

- Màn hình chính
- Ví dụ: Khoảng cách = 00001.0km.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ màn hình chính sang hành trình A.
- Ví dụ: Chuyến đi A = 0010.0km.
- Giữ nút trong 3 giây để thiết lập lại chuyến đi A.

GHI CHÚ! Tốc độ trung bình và thời gian đi xe được tính bằng đồng hồ đo hành trình. Sau khi bạn đặt lại đồng hồ đo hành trình, tốc độ trung bình & thời gian đi xe được thiết lập lại cùng một lúc.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ chuyến đi A sang thời gian đi xe A.
- Ví dụ: Thời gian đi xe A= 00:01 phút.

GHI CHÚ! Thời gian đạp xe: Thời gian đạp xe được đặt lại thành công khi màn hình hiển thị 00:00 (0 giờ, 0 phút).

- Giữ nút trong 3 giây để đặt lại thời gian đạp xe A.

GHI CHÚ! Vận tốc trung bình và thời gian đi xe là được tính bằng đồng hồ đo hành trình. Sau khi bạn đặt lại đồng hồ đo hành trình, tốc độ trung bình và chuyến đi thời gian được thiết lập lại cùng một lúc.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ thời gian đạp xe A sang tốc độ trung bình A.
- Ví dụ: Vận tốc trung bình A= 60 km/h.
- Giữ nút trong 3 giây để thiết lập lại tốc độ trung bình A

GHI CHÚ! Tốc độ trung bình và thời gian đi xe được tính bằng đồng hồ đo hành trình. Sau khi bạn đặt lại đồng hồ đo hành trình, tốc độ trung bình và thời gian lái xe sẽ được đặt lại cùng lúc.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ tốc độ trung bình A sang hành trình B.
- Ví dụ: Chuyến B = 0040.0km.
- Giữ nút trong 3 giây để đặt lại chuyến đi B.

GHI CHÚ! Tốc độ trung bình và thời gian đi xe được tính bằng đồng hồ đo hành trình. Sau khi bạn đặt lại đồng hồ đo hành trình, tốc độ trung bình và thời gian đi xe được đặt lại cùng lúc.

Machine Translated by Google

## 4.1 CHUYỂN ĐỔI GIỮA CHỨC NĂNG

- Nhấn nút một lần để chuyển từ chuyến B sang thời gian đạp xe B.
- Ví dụ: Thời gian đi xe B= 00:20 phút.

GHI CHÚ: Thời gian đạp xe: Thời gian đạp xe được đặt lại thành công khi màn hình hiển thị 00:00 (0 giờ, 0 phút).

- Giữ nút trong 3 giây để đặt lại thời gian đạp xe B.

GHI CHÚ: Tốc độ trung bình và thời gian đi xe được tính bằng đồng hồ đo quãng đường. Sau khi bạn đặt lại đồng hồ đo hành trình, tốc độ trung bình và thời gian đi xe được đặt lại cùng lúc.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ thời gian đạp xe B sang tốc độ trung bình B.
- Ví dụ: Vận tốc trung bình B = 60 km/h.
- Giữ nút trong 3 giây để thiết lập lại tốc độ trung bình B.

GHI CHÚ: Tốc độ trung bình và thời gian đi xe được tính bằng đồng hồ đo quãng đường. Sau khi bạn đặt lại đồng hồ đo hành trình, tốc độ trung bình và thời gian đi xe được đặt lại cùng lúc.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ tốc độ trung bình B sang RPM.
- Ví dụ: RPM = 1500 vòng/phút.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ bản ghi RPM sang bản ghi MAX.
- Giữ nút trong 3 giây để đặt lại bản ghi MAX.

- Nhấn nút một lần để chuyển từ bản ghi MAX tới màn hình chính.
- Màn hình chính

Machine Translated by Google

## 4.2 HƯỚNG DẪN THIẾT LẬP CHỨC NĂNG

### Màn hình chính

- Giữ nút trong 3 giây để chuyển từ màn hình chính để cài đặt đơn vị đo.

### Cài đặt đơn vị đo

- Giữ nút trong 3 giây để vào menu ADJ 1 (cài đặt đơn vị đo).
- Nhấn nút một lần để chuyển cài đặt từ km/h sang dặm.

- Giữ nút này trong 3 giây để vào menu cài đặt temp.unit.
- Nhấn nút một lần để chuyển cài đặt từ °C sang °F.

- Giữ nút trong 3 giây để vào menu cài đặt tốc độ/vòng/phút.
- Nhấn nút một lần để chuyển từ vòng/phút sang tốc độ.

- Giữ nút này trong 3 giây để quay lại menu ADJ 1.

Nhấn nút một lần để vào menu ADJ 2 (cài đặt tín hiệu tốc độ).

- Giữ nút trong 3 giây để vào cài đặt tín hiệu tốc độ.
- Nhấn nút một lần để chọn loại cảm biến tốc độ bạn muốn sử dụng.

A: Int (Thực tập sinh: Cáp Speedo)

B: Ext (Extern: Cảm biến, phụ kiện)

GHI CHÚ: Bối cảnh nhà máy: Thực tập sinh.
Để sử dụng Ext. (Extern: Cảm biến, phụ kiện) cảm biến tốc độ, ví dụ: cảm biến tốc độ SIP 50000270, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với cảm biến tốc độ.

- Giữ nút trong 3 giây để trở về màn hình Menu ADJ 2 (đo tốc độ).
- Nhấn nút một lần để vào menu ADJ 3 (cài đặt chu vi lốp).

### Cài đặt chu vi lốp

- Ví dụ: Chu vi lốp là 1.300mm.
- Giữ nút trong 3 giây để vào cài đặt chu vi lốp và tỷ số truyền.
- Giữ nút trong 3 giây để di chuyển đến chữ số bạn muốn đặt.

GHI CHÚ:
1. Phạm vi cài đặt: 300-2.500mm.
   Đơn vị cài đặt: 1mm
2. Cài đặt mặc định: 1.000mm.

Machine Translated by Google

## 4.2 HƯỚNG DẪN THIẾT LẬP CHỨC NĂNG

**TIPP** Tuyệt!

Đơn giản chỉ cần xác định van là điểm bắt đầu và điểm cuối để đo chu vi bánh xe bằng loại đo.

- Nhấn nút một lần để chọn số cài đặt.

- Cài đặt chu vi lốp được thay đổi từ 1.000mm thành 1.300mm.
- Giữ nút này trong 3 giây để vào cài đặt tỷ số truyền.

- Cài đặt tỷ lệ truyền động của đồng hồ tốc độ (cài đặt ADJ2 là 'Int')

- **Ví dụ: Bạn muốn đặt tỷ số truyền là 0,80.**
- Giữ nút trong 3 giây để di chuyển đến chữ số bạn muốn đặt.

GHI CHÚ
1. Khoảng cài đặt tỷ số truyền: 0,50 - 1,00.
2. Đơn vị cài đặt: 0,01.
3. Cài đặt mặc định: 1,00.

- Nhấn nút một lần để chọn cài đặt chính xác.

- Cài đặt tỷ số truyền được thay đổi từ 1,00 thành 0,80.
- Nhấn nút xuống trong 3 giây để quay lại màn hình ADJ 3.
- Nhấn nút một lần để vào menu ADJ 4 (Cài đặt xung RPM).

- Dẫn động đồng hồ tốc độ - trạng thái số răng Dữ liệu được nhận qua trục đồng hồ tốc độ. Bảng bên dưới hiển thị một số dữ liệu gốc để bạn tham khảo - hãy đảm bảo kiểm tra các thành phần, số lượng răng tương ứng.

| Người mẫu (ví dụ) | ổ đĩa tốc độ răng t1 | bộ truyền động tốc độ nghệ thuật.no. | răng t2 | tỷ số truyền I = t2/t1 |
|---|---|---|---|---|
| Vespa 125 GT/GTR/Siêu/TS/150 T4/GL/GS/Sprint/V/Super/Rally/ P150S | 13 | 94450000 | 11 | 0,85 |
| Vespa 125 GT/GTR/Siêu/TS/150 T4/GL/GS/Sprint/V/Super/Rally/ P150S | 12 | 94445000 | 10 | 0,83 |
| Vespa 125 GT/GTR/Siêu/TS/150 T4/GL/GS/Sprint/V/Super/Rally/ P150S | 12 | 9444000 | 9 | 0,75 |
| Vespa 50/PV/ET3/PK50/S/SS/XL | 10 | 15161400 | .. | 0,80 |
| Vespa PK50-125 S/XL/2/HP/N/ PK125/ETS | 15 | 61730000 | 12 | 0,80 |
| Vespa P80-150X/P80-150E/ PX80 E Lusso/P200E/MY/P200E/ T5/Cosa | 16 | 94420000 | 12 | 0,75 |
| Vespa PX100-200E/ PX125-150 E Lusso/'98/ | 16 | 94430000 | 12 | 0,75 |
| GRIMECA Vespa PX/PE Ø 16mm | 16 | 94420000 | 12 | 0,75 |
| GRIMECA Vespa PX/Lusso/T5/PK Ø 20mm | 16 | 94430000 | 12 | 0,75 |

Machine Translated by Google

## 4.2 HƯỚNG DẪN THIẾT LẬP CHỨC NĂNG

### Cài đặt xung RPM

- Ví dụ: Bạn muốn thay đổi giá trị cài đặt hiện tại từ 3 (Bản gốc) thành 2 (Vespatronic/Parmakit).
- Giữ nút trong 3 giây để vào Cài đặt xung RPM.
- Cài đặt ban đầu là 3.

LƯU Ý: Van cài đặt có phạm vi: 1, 2, 3, 4, 5, 6.

| Cài đặt Đặt giá trị | Tín hiệu trên mỗi | vòng quayĐánh lửa |
|---|---|---|
| 1 | | 1 tín hiệu trên mỗi vòng quay |
| 2 | Vespatronic / Parmakit | 2 tín hiệu trên mỗi vòng quay |
| 3 | Nguyên bản | 3 tín hiệu trên mỗi vòng quay |
| 4 | | 4 tín hiệu trên mỗi vòng quay |
| 5 | | 5 tín hiệu mỗi vòng quay |
| 6 | | 6 tín hiệu trên mỗi vòng quay |

- Nhấn nút một lần để chọn số cài đặt.

- Cài đặt đánh lửa được thay đổi từ 3 thành 2.
- Giữ nút này trong 3 giây để quay lại menu ADJ 4.

- Nhấn nút một lần để vào menu ADJ 5 (menu cài đặt đồng hồ).

### Cài đặt đồng hồ

- Ví dụ: Bạn muốn đổi thời gian về 14h.
- Giữ nút trong 3 giây để chọn số cài đặt.

GHI CHÚ: Phạm vi cài đặt: 0 ~ 23H

- Nhấn nút một lần để chọn số cài đặt.

- Bây giờ cài đặt được thay đổi từ 0:00 thành 14:00.
- Giữ nút trong 3 giây. để vào cài đặt phút.

- Ví dụ: Để thay đổi cài đặt thành 14:05.
- Nhấn nút một lần để chọn số cài đặt.

GHI CHÚ: Phạm vi cài đặt: 0 ~ 59 phút.

Machine Translated by Google

## 4.2 HƯỚNG DẪN THIẾT LẬP CHỨC NĂNG

- Cài đặt được thay đổi từ 14:00 thành 14:05.
- Giữ nút này trong 3 giây để quay lại menu ADJ 5.
- Nhấn nút một lần để vào menu ADJ 6 (độ sáng màn hình).

Độ sáng màn hình

- Ví dụ: Chúng tôi muốn thay đổi độ sáng thành 5-5 (độ sáng 100%).
- Giữ nút trong 3 giây để vào cài đặt độ sáng đèn nền.

- Nhấn nút một lần để chọn số cài đặt.

GHI CHÚ: Phạm vi cài đặt: Đèn nền có thể điều chỉnh theo 5 bước: 1-5 (tối), 5-5 (sáng). Với mỗi bước, độ sáng sẽ tăng lên 20%.

- Cài đặt được thay đổi từ 3-5 thành 5-5.
- Giữ nút trong 3 giây để trở về màn hình Thực đơn ADJ6.
- Nhấn nút một lần để vào menu ADJ 7 (tổng số km).

Tổng số dặm

- Ví dụ: Hiện tại tổng số km đã đi là 12.500 km.
- Nhấn nút một lần để vào menu ADJ 8 (có thể điều chỉnh quãng đường).

GHI CHÚ: ADJ 7 chỉ để hiển thị tổng số dặm. Có thể điều chỉnh trong ADJ 8.

Số dặm có thể điều chỉnh

- Ví dụ: Bạn muốn cài đặt quãng đường có thể điều chỉnh là 5.000 km.
- Giữ nút trong 3 giây để vào cài đặt số dặm có thể điều chỉnh.

Machine Translated by Google

## 4.2 HƯỚNG DẪN THIẾT LẬP CHỨC NĂNG

- Giữ nút trong 3 giây để di chuyển đến chữ số bạn muốn đặt.

- Nhấn nút một lần để chọn cài đặt chính xác.
- Cài đặt được thay đổi thành 5.000 km.



- Giữ nút này trong 3 giây để quay lại menu ADJ 8.
- Nhấn nút một lần để quay lại màn hình chính trưng bày.

- Màn hình chính

Machine Translated by Google

## 5.1 XỬ LÝ SỰ CỐ

Các tình huống sau đây không phải là dấu hiệu của sự cố của đồng hồ. Vui lòng kiểm tra những điều sau đây trước khi gửi nó đi sửa chữa.

| Triệu chứng | Gây ra | Giải pháp |
|---|---|---|
| Không hiển thị khi động cơ đang chạy/ chuyển đổi nguồn điện. | ➤ Đồng hồ tốc độ không có kết nối với nguồn điện.<br>➤ Pin bị lỗi hoặc quá yếu để cung cấp năng lượng cho đồng hồ tốc độ. | ➤ Đảm bảo rằng nó được kết nối chính xác và tất cả các dây cáp đều nguyên vẹn.<br>➤ Kiểm tra điện áp pin, thay thế nếu cần thiết. |
| SIP tacho không hoạt động với bộ đánh lửa 6V của tôi. | ➤ Đồng hồ tốc độ chỉ chạy với điện áp 12V DC hoặc AC. | ➤ Lắp đặt bộ đánh lửa 12V. |
| Đồng hồ tốc độ của tôi cứ bật và o.<br>Đồng hồ tốc độ tắt, ví dụ như khi sử dụng ga hoặc chuyển số. | ➤ Tiếp xúc lung lay trong nguồn điện.<br>➤ Cuộn gas/cuộn bánh răng ép cáp nguồn và gây đoản mạch.<br>➤ Công suất đánh lửa/máy phát điện quá thấp. | ➤ Kiểm tra xem có dây tiếp xúc nào bị lỏng trong nguồn điện không (cáp đỏ, nâu, đen).<br>➤ Không lắp đặt cáp ở khu vực chuyển động của cuộn ga/bánh răng.<br>➤ Sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện áp trên các dây cáp đang có điện (Phải là 12 volt). |
| Đồng hồ tốc độ đóng băng ở tốc độ cao. | ➤ Đồng hồ tốc độ bị kích thích do cản trở các xung đánh lửa và màn hình bị treo. | ➤ Sử dụng bugi có vỏ bọc "R" và đầu nối bugi có vỏ bọc. |
| Đồng hồ tốc độ không có chức năng, không tự kiểm tra, kim đo tốc độ không còn di chuyển nữa. | ➤ Quá điện áp của đồng hồ tốc độ bằng điện áp của xe.<br>➤ Hộp đen bị lỗi/quá điện áp, kiểm tra tình trạng hộp đen: có mùi khét hay bị ám?<br>Đo lường: Điểm cài đặt đỏ/đen 5.0V +/- 0.5V DC, xanh/đen 5.2V +/- 0.5V.<br>➤ Điểm khối lượng bị thiếu trên khung. | ➤ Kiểm tra bộ điều chỉnh điện áp, thay thế nếu cần thiết.<br>➤ Gia hạn hộp đen, Art.-No. 50000112. Kết nối khối lượng quá thấp không thể tiêu tan các đỉnh điện áp.<br>➤ Đặt dây nối đất từ bộ phận đánh lửa đến khung/bộ điều chỉnh điện áp. Các kết nối đất kém hoặc được thiết kế không chính xác không thể làm tiêu tan các đỉnh điện áp. |
| Có cần thiết phải luồn cáp kết nối màu đỏ xuyên qua khung tới ắc quy cho xe máy có ắc quy của tôi không? | | ➤ Cáp cũng có thể được kết nối với đường dây hiện tại (đánh lửa BẬT). |

Machine Translated by Google

## 5.1 XỬ LÝ SỰ CỐ

| triệu chứng | Gây ra | Giải pháp |
|---|---|---|
| Tốc độ không được hiển thị hoặc hiển thị không chính xác. | Đặt xung tốc độ sai.<br>Cáp màu nâu cho xung tốc độ không được kết nối đúng cách. | Trong menu điều chỉnh 4, bạn đặt số lượng tín hiệu đánh lửa mà đồng hồ tốc độ đọc được. Điều này chủ yếu khác nhau giữa bộ đánh lửa nguyên bản và bộ đánh lửa Vespatronic. Vui lòng thực hiện cài đặt phù hợp.<br>(Thông tin: Đây luôn là một nửa số nam châm của bánh đà.)<br>Cáp màu nâu phải luôn được kết nối với dòng điện chiếu sáng 12V, không nối với pin. |
| Tại sao màn hình analog/đồng hồ tốc độ không hiển thị tốc độ? | Cài đặt không chính xác của màn hình analog. | Trong menu điều chỉnh 1, chuyển từ hiển thị RPM tương tự sang hiển thị tốc độ tương tự. |
| Màn hình hiển thị tốc độ của tôi dường như không đúng? | Chu vi/tỷ lệ lốp được đặt không chính xác.<br>Giảm tốc độ được đặt không chính xác.<br>Nhập sai số điểm cài đặt cho hoạt động của cảm biến.<br>Cảm biến tốc độ khoảng cách đến điểm đón lớn hơn 3 mm. | Kiểm tra cài đặt của các giá trị đo được trong menu điều chỉnh 3.<br>Kiểm tra việc giảm tốc độ trong menu điều chỉnh 2.<br>"INT = Tachowelle, EXT = cảm biến bên ngoài"<br>Kiểm tra các điểm chấp nhận trên xe. Cảm biến phải tro ở mọi điểm! 01P = 1 điểm chấp nhận / 05P = 5 điểm chấp nhận.<br>Giảm khoảng cách giữa cảm biến tốc độ và điểm chấp nhận. |
| Không có tốc độ kỹ thuật số và tương tự trưng bày. | Cáp máy đo tốc độ bị đứt hoặc lỏng.<br>Bánh răng dẫn động đồng hồ tốc độ bị thiếu/bị lỗi.<br>Ghi tốc độ INT/EXT không có chức năng. | Sửa chữa các bộ phận chính xác, thay thế các bộ phận bị lỗi.<br>Đồng hồ tốc độ do quá điện áp bị lỗi/hư hỏng và phải thay mới. Kết nối mặt đất kém hoặc được thiết kế không chính xác không thể tiêu tan các đỉnh điện áp. |
| Nhiệt độ không hiển thị hoặc hiển thị không chính xác. | Cảm biến trên bugi bị lỗi/hỏng.<br>Kết nối plug-in bị hỏng / hỏng. | Thay thế cảm biến Art.-No. KI001R15.<br>Kiểm tra cảm biến nối dây / nếu cần thay thế, Art.-No. 50000230. |

Machine Translated by Google

## 5.1 XỬ LÝ SỰ CỐ

| triệu chứng | Gây ra | Giải pháp |
|---|---|---|
| Màn hình cảnh báo "FUEL" luôn sáng. | ➤ Phao trên vòi xăng bị lỗi.<br>➤ Cáp đã bị hỏng trong quá trình cài đặt.<br>➤ Nếu vòi xăng không được lắp đúng cách là sai. | ➤ Khi tháo ra, nhấc yến trên vòi nhiên liệu/đồng hồ đo nhiên liệu, sau đó "NHIÊN LIỆU" sẽ tắt. Nếu không, hãy thay vòi xăng/đồng hồ đo nhiên liệu. Kiểm tra hệ thống dây điện, thay thế nếu cần thiết, Art. Số 50000240.<br>➤ Khi kết nối dây được chuyển đổi, các đầu nối phải được cắm và thay thế. |
| Thời gian trên đồng hồ tốc độ tự thay đổi. | ➤ Đồng hồ hết pin. | ➤ Sau một thời gian dài không sử dụng, ví dụ: Vào mùa đông, pin bên trong có thể bị cạn kiệt. Pin được sạc lại sau một chuyến đi dài hơn và màn hình hiển thị lại. |
| Màn hình hiển thị thời gian hiển thị "3F: 7F". | ➤ Quá điện áp ở IC của đồng hồ.<br>Đồng hồ tốc độ đã đạt được quá điện áp từ đỉnh điện áp. | ➤ Kiểm tra bộ điều chỉnh điện áp, thay thế nếu cần thiết. Đồng hồ do quá áp bị lỗi. Đồng hồ tốc độ phải được thay thế.<br>Kết nối mặt đất kém hoặc được thiết kế không chính xác không thể tiêu tan các đỉnh điện áp. |
| Màn hình hiển thị, số và chữ mờ dần. | ➤ Dưới ánh nắng gay gắt và nhiệt độ cao, các con số và chữ cái trên màn hình sẽ mờ đi đến mức không tương phản với nền. | ➤ Trong quá trình làm mát, các con số và chữ cái xuất hiện bình thường và có độ tương phản mạnh.<br>(Máy đo tốc độ phạm vi hoạt động: -10~ + 60°C) |
| Đèn điều khiển PX Lusso không có chức năng, đèn điều khiển (đèn xi nhan, đèn, chùm sáng chính) không có chức năng, thay vào đó là tro dự trữ. | ➤ Đầu nối phích cắm đảo ngược 180° được lắp vào. | ➤ Chú ý đánh dấu tại số tiếp điểm 1-7 và chèn vào cho phù hợp. |

*Nếu bạn vẫn không thể giải quyết vấn đề theo các bước trên, vui lòng liên hệ với nhà phân phối hoặc chúng tôi.

Machine Translated by Google

## 6.1 PHỤ TÙNG / PHỤ TÙNG TÙY CHỌN

### Phần số 2

Hộp đen 2.0

Bộ đếm vòng quay/đồng hồ tốc độ SIP cho Vespa 50 SS/90 SS/125/PV/ET3/GTR/TS/

Super/150 Sprint V/Super/Rally 12V AC/

DC, do KOSO Art.No.: 50000112

sản xuất

### Phần số 3+4

Bộ dây KOSO giữa

hộp đen và đồng hồ tốc độ dành cho Vespa 50 SS/90 SS/125/PV/ET3/GTR/TS/

Super/150 Sprint V/Super/Rally/P80-200E cho Lamberetta, I 2000/300mm Art.No.:

50000210

### Phần số 5

Switch SIP cho

bộ đếm vòng tua/đồng hồ tốc độ SIP cho Vespa 12V AC/DC, do KOSO Art.No.:

50000120 sản xuất

### Phần số 6

Dây KOSO SIP

nhiên liệu tap/speedo, dành cho Vespa 50-125/PV/ET3/PK/S/XL/125 GT-TS/150 VBA-Super /160 GS/180 SS/Rally/PX80-200/Lusso I 2000mm Art . Số: 50000240

### Phần số 7

Dây KOSO giữa

cảm biến nhiệt độ và đồng hồ tốc độ, cho Vespa 50 SS/90 SS/125/PV/ET3/GTR/

TS/Super/150 Sprint V/Super /Rally/P80-200E cho Lamberetta, I 2000 mm

Nghệ thuật số: 50000230

### Phần số 8+9+10

Đầu báo nhiệt độ adapter AC Ø 14mm, không

thấm nước, 250°(ts SIP speedometer)(5 chiếc)

Nghệ thuật. Số: KI001R15

### Phần tùy chọn

Cảm biến tốc độ SIP cho

bộ đếm vòng quay SIP/đồng hồ tốc độ cho Vespa 50-125/PV/ET3/PK50/S/XL (I) cáp đồng hồ tốc độ: kỹ thuật số, l 1000 mm, có dây

Nghệ thuật. Số: 50000250

### Phần tùy chọn

Cảm biến tốc độ SIP cho

bộ đếm vòng quay SIP/đồng hồ tốc độ cho Vespa 125 GT/GTR/Super/TS/150 VBA/VBB/VGLA/GL/GS/Sprint/V/Super/160 GS/ 180SS/Rally/P150S cũng dành cho Lambretta DL/GP/LI/SX/TV, kết nối: 2,7mm, cáp đồng hồ tốc độ: digital, l 1380 mm

Nghệ thuật. Số: 50000270

Machine Translated by Google



## Phần tùy chọn

Cảm biến tốc độ SIP

cho bộ đếm vòng quay SIP/đồng hồ tốc độ

Dành cho Vespa PK/S/XL/FL/HP/N/XL2/PX/T5 Cáp đồng hồ tốc độ Classic: kỹ thuật số, l 1500 mm, phanh tang trống phía trước, cũng để sử dụng với phanh đĩa Grimeca Classic

Nghệ thuật số: 50000150

## Phần tùy chọn

Cảm biến tốc độ SIP

cho bộ đếm vòng quay SIP/đồng hồ tốc độ

cho Vespa PX80-200 E ˜98/MY/˜11 cũng dành cho Vespa GTS/GTS Super/GTV/GT60/GT/GT L 125-300ccm, cáp đồng hồ tốc độ: kỹ thuật số, l 1500 mm, phanh đĩa trước, cũng sử dụng với phanh đĩa Grimeca NT

Nghệ thuật số: 50000140

## Phần tùy chọn

Nhiên liệu Tap SIP Dòng chảy

nhanh cho Vespa 50 -125/PV/ET3/PK/S V30-33/VM/ VN/VNA-TS/150/VL/VB/VBA-T4/GS VS1-5/

160 GS/180 SS/Rally/PX/T5 có cần gạt (dài 200mm), dự trữ năng lượng điện tử thước đo

Nghệ thuật. Số: 15879000

Machine Translated by Google

## Ghi chú

Machine Translated by Google

Ghi chú

Machine Translated by Google

**performance** & style

SIP Scootershop GmbH
Marie-Curie-Straße 4
86899 Landsberg
Germany

**WWW.SIP-SCOOTERSHOP.COM**

Scan QR Code with your Smartphone e.g. with the App „ScanLife“ for more infos

L : SIP-2017-05-19

C : SIP-2024-04-22